

Số: 17/2024/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 04 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị M và anh Lò Văn N.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị M và anh Lò Văn N.
 - Về con chung: Chị Mạnh, anh Lò Văn N có 02 con chung là Lò Thị Duyên T sinh ngày 25/10/2011 và Lò Thị Ngọc H, sinh ngày 01/11/2014. Anh chị thống nhất thoả thuận anh Lò Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu

Lò Thị Duyên T và Lò Thị Ngọc H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N, do anh N chưa yêu cầu.

c. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận thanh toán, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

đ. Về án phí: Chị Hà Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0001391, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hoàn trả lại cho chị Hà Thị M số tiền 225.000đ (*Hai trăm hai mươi năm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh Lò Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên

